

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HSST

Ngày 15-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phạm Hoàng T

2. Bà Nguyễn Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền- Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022; các Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HS ngày 27/12/2022, số 01/2023/QĐST-HS ngày 11/01/2023, số 03/2023/QĐST-HS ngày 10/2/2023, số 07/2023/QĐST-HS ngày 10/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 (tên gọi khác là Nguyễn Văn P1), nơi sinh: Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 14, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và con bà Nguyễn Thị N; vợ, con: không có; tiền án: 02 (Bản án số 36/2019/HS-ST ngày 28/6/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Huỷ hoại tài sản”; Bản án số 40/2021/HS-ST ngày 19/7/2021 của Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt 10 tháng phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”), tiền sự: Không; nhân thân: 01 (Ngày 17/02/2023 L bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy); bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định tạm giam số 04/2023/HSST-QĐTG ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, có mặt.

2. Bùi Thượng L1, sinh năm 1970, nơi sinh: Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 8, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thế C (đã chết) và con bà Trần Thị M; vợ: Đào Thị H, con: không có; tiền án: 03 (Bản án số 27/ST ngày 26/4/1995 của TAND huyện P1 Châu xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 48 ngày 10/5/1996 của TAND huyện P1 Châu xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản của công dân, tổng hợp với bản án số 27 ngày 26/4/1995 của TAND huyện P1 Châu xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tổng cộng là 24 tháng tù; Bản án số 75/STHS ngày 20/4/1999 của TAND tỉnh Phú Thọ xử phạt 10 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 7 năm tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 17 năm tù giam), tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/01/2023, bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V khởi tố bị can về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ theo Lệnh tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, có mặt.

3. Khuất Ngọc T, sinh năm 1966, nơi sinh: Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Văn L và con bà Đào Thị V; vợ: Trần Thị T, con: 02, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 06 (Bản án số 22/STHS ngày 25/03/1991 của TAND tỉnh Vĩnh Phú xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 27/ST ngày 26/4/1995 của TAND huyện P1 Châu xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 51 ngày 23/5/1996 của TAND huyện P1 Châu xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 271a/HS-ST ngày 19/11/1998 của TAND tỉnh Phú Thọ xử phạt 4 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, bị cáo đương nhiên xóa án tích; ngày 27/01/2016 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau hình thức phạt tiền, đã chấp hành xong; ngày 12/3/2020 bị công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền, đã chấp hành xong); bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; hiện đang tại ngoại, có mặt.

4. Ngô Quang Đ, sinh năm 1988, nơi sinh: Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn P1 Châu, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tiến Bộ (đã chết) và con bà Phạm Thị Hoa; vợ: Đào Thị Hồng Nhung (đã chết), con: 02, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: 01 (Bản án số 44/HS-ST ngày 30/9/2021 của TAND huyện P xử phạt 30 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy), tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Ngày 07/10/2022, bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của Bản án số 44 ngày 30/9/2021, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Yên Hạ, Bộ Công an, có mặt.

Bị hại: Ông Khuất Văn Q, sinh năm 1933; nơi cư trú: Khu 13, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Khuất Đức B, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khu 12, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Vũ Tiến S, sinh năm 1970; trú tại: khu Lãng Cẩm, phường Gia Cẩm, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Khuất Văn Q là bố đẻ anh Khuất Đức B. Anh B mua 02 cây mộc ở huyện Tân Sơn từ khoảng 15 năm trước và trồng nhờ tại vườn nhà ông Q. Ông Q là người trực tiếp trông coi, quản lý còn chủ sở hữu 02 cây mộc là anh B.

Do trước đó ông Q đã thuê Nguyễn Văn L chuyển hai cây mộc từ trong chậu xi măng ra trồng tại vườn nên khi không có tiền tiêu xài, L nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 00 giờ ngày 23/4/2022, L một mình đi bộ đến nhà ông Q, quan sát thấy nhà đã tắt điện, cửa và cổng đều khóa, L dùng tay bám vào trụ cổng phía bên trái từ ngoài nhìn vào, trèo qua tường rồi đi đến vị trí trồng 02 cây mộc, lần lượt nhổ từng cây rồi đưa qua khu vực tường rào, sau đó L trèo qua tường tại vị trí trước đó đã đột nhập để ra ngoài, cất giấu 02 cây mộc tại ven đường.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút, L gọi điện thoại cho Khuất Ngọc T nói “Cháu lấy được hai cây mộc ông có mua không”, T hỏi “Cây lấy ở đâu” L nói “Cây lấy ở ngoài làng gần chùa Quang Linh”, ý là cây trộm cắp mà có, T nói “Tao không mua” thì L hỏi “Thế ông có biết chỗ nào bán không”, T trả lời “Đêm hôm tao chịu”.

Lúc này L muốn gặp trực tiếp T để đặt vấn đề bán cây nên gọi điện thoại cho Ngô Quang Đ là lái xe taxi, bảo Đ đến đón L ở cổng chùa Quang Linh. Khoảng 20 phút sau, Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I10 BKS 30A-88943 đến nơi hẹn, L nói “Mở cốp xe ra để em để hai cây mộc vào”, Đ nói “Trong xe không có lấy”, L đi ra phía sau cốp tự mở rồi để 02 (hai) cây mộc trộm cắp được vào trong cốp xe rồi mở cửa vào xe ngồi ở ghế phụ, L bảo Đ điều khiển đi tới nhà T. Do quen biết từ trước và biết L có tiền án về tội trộm cắp tài sản lại thuê chớ hai cây mộc lúc đêm khuya nên Đ biết hai cây mộc do L trộm cắp mà có. Vì vậy, khi đi được khoảng 200m Đ hỏi “Cây lấy ở đâu” (ý là cây trộm cắp ở đâu) L trả lời “Cây nhổ ở trên kia” (ý là cây L trộm cắp ở gần vị trí Đ đón). L chỉ đường cho Đ đi đến nhà T. Khi đi qua cổng nhà T khoảng 20m, L yêu cầu dừng xe rồi xuống bê hai cây mộc cất giấu vào ven đường. Đ nói tiền taxi hết 30.000 đồng, L đưa cho Đ 90.000 đồng trong đó có 60.000 đồng là tiền taxi L nợ Đ từ trước.

Sau đó, L đi bộ đến cổng nhà T thấy T đang uống nước ở sân, L gọi xuống cổng và hỏi “Hai cây mộc cháu mang đến đây rồi ông có mua không”, T trả lời “Tao không

mua”. L nói “Ông bảo chú L1 đi sang đây xem mua hai cây mộc không” thì T đồng ý rồi gọi điện thoại cho Bùi Thượng L1 nói “Có thằng cu có hai cây mộc ông mua về dùng thì sang”, L1 trả lời “Đề sang xem thế nào”.

Một lúc sau, L1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, biển số: 19A - 148.63 (L1 mượn của em trai là anh Bùi Văn Lập, sinh năm 1975, nơi ĐKKHKT tại khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ để làm phương tiện đi lại hàng ngày) đi đến nhà T. T bảo L1 “Thằng cu này có hai cây mộc ông có mua không nếu không mua bán hộ nó”. T nói với L và L1 “Có gì tự nói chuyện với nhau”. L dẫn L1 đi ra vị trí cất giấu hai cây mộc để xem, T cũng đi cùng theo. L1 hỏi L “Cây mộc này lấy ở đâu”, L trả lời “Cây mộc cháu trộm ở khu 13, xã P chú có mua không”, L1 nói “Tao không mua”. T nói với L1 “Bán hộ cho nó”. L hỏi “Thế chú có biết chỗ nào bán được không”, L1 trả lời “Bây giờ chỉ mang xuống Việt Trì”, L đồng ý.

L1 gọi điện cho anh Vũ Tiến S, sinh năm 1970; trú tại: khu Lãng Cẩm, phường Gia Cẩm, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nói về việc có 02 cây mộc bán, anh S nói: "cây ở đâu, nếu là cây ăn cắp thì không mua đâu", L1 nói: "cây của nhà thằng bạn, em đứng ra bảo lãnh", anh S đồng ý và bảo L1 chở cây đến nhà. Sau đó L bê hai cây mộc để vào trong cốp xe của L1 rồi quay lại vay T 1.000.000 đồng để đi chơi.

L1 chở 02 cây mộc đi đến nhà anh S. Tại đây, anh S trả cho L1 8.000.000 đồng. Do muốn hưởng L tiền chênh lệch nên L1 gọi điện thoại cho T nói “Bảo thằng L hai cây mộc bán được năm triệu có đồng ý bán không”, T gọi điện thoại cho L nói “Thằng L1 bảo chỉ bán được năm triệu thôi đồng ý bán không” thì L đồng ý và nói “Vâng bán được bao nhiêu thì bán, ông bảo bán hộ cháu”. T gọi điện thoại cho L1 nói “L đồng ý bán”. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, L và L1 đi đến nhà T để thanh toán tiền bán cây. L1 nói với L “Bán cây được năm triệu tao lấy một triệu” rồi đưa cho L 4.000.000 đồng, L trả cho T 1.000.000 đồng đã vay từ trước và cho T 600.000 đồng từ số tiền bán cây mà có. Sau đó L và L1 đi về nhà.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu giữ: 01 cây mộc, loại mộc búi, chu vi gốc 23cm, từ vị trí mặt gốc đến vị trí chia cành là 10cm, có 02 nhánh sau đó chia thành 06 cành, tán đều, ít lá, chiều cao cây là 1,83m, không bó bầu; 01 cây mộc, loại mộc một thân, chu vi gốc 22 cm, từ vị trí mặt gốc đến vị trí chia cành là 30 cm, sau đó chia thành 04 nhánh, tán đều, ít lá, chiều cao cây là 1,83m, không bó bầu; số tiền 4.000.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, màu sơn trắng, biển số: 19A - 148.63 và 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, mặt trước điện thoại ghi chữ VERTU, điện thoại có vỏ màu vàng, đen, số IMEI1: 355180613431569, số IMEI2: 355180613473066, lắp sim số: 0333501939, 0853620666 thu giữ của Bùi Thượng L1; 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, màu sơn bạc, biển số: 30A - 889.43 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số seri: 354896089244563, lắp sim số 0852611611 thu giữ của Ngô Quang Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số seri 1: 354493097373491, số seri 2: 354495092373491, lắp sim số 0385605966 thu giữ của Khuất Ngọc T.

Ngày 06/06/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 cây mộc, loại mộc búi, chu vi gốc 23cm...có giá là 8.000.000 đồng; 01 cây mộc, loại mộc một thân, chu vi gốc 22 cm...có giá là 15.000.000 đồng; tổng cộng là 23.000.000 đồng.

Tại cáo trạng Cáo trạng số 41/CT-VKSPN ngày 12/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Bùi Thượng L1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Khuất Ngọc T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Ngô Quang Đ về tội “Chứa chấp tài sản do phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không ai có ý kiến gì. L thừa nhận không biết anh S là ai, trả tiền 2.000.000 đồng cho L1 chứ không trả cho anh S; L1 thừa nhận L lời trình bày của L là đúng, còn 2.000.000đồng L1 tự nguyện không yêu cầu L phải trả lại. Đối với số tiền 1.000.000đ L và T thừa nhận là tiền vay, không liên quan đến việc phạm tội nay L đã trả đủ, T không có ý kiến gì; đối với số tiền 600.000đ L tự nguyện không đề nghị T phải trả lại. Đ thừa nhận tiền chở xe taxi cho L khi trộm cắp cây mộc là 30.000đồng và đề nghị được nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Bùi Thượng L1 và Khuất Ngọc T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; bị cáo Ngô Quang Đ phạm tội Chứa chấp tài sản do phạm tội mà có. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt L từ 24 tháng 30 tháng tù. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt L1 từ 36 tháng đến 40 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù và tổng hợp hình phạt với Bản án số 44/HS-ST ngày 30/9/2021 của TAND huyện P theo quy định, có khấu trừ thời gian tạm giữ của bản án trước. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho những người tham gia tố tụng đúng thời hạn do pháp luật quy định nên các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Do vụ án có tính chất phức tạp nên Tòa án phải gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải hoãn phiên tòa nhiều lần vì Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ không thực hiện việc trích xuất bị cáo Ngô Quang Đ từ Trại giam Yên Hạ, Bộ Công an về để thực hiện việc xét xử. Theo Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ do Tòa án nhân dân huyện P không ban hành quyết định tạm giam đối với bị cáo Đ nên không đủ thủ tục đề nghị Bộ Công an trích xuất.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 3, Điều 16, 17 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, khoản 1 Điều 9 Thông tư số 01/2020/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 17/6/2020; Văn bản số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 và số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ yêu cầu như trên là không đúng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện P đã có văn bản kiến nghị đến Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (C10) Bộ Công an đề nghị chỉ Đ Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ làm thủ tục đề nghị trích xuất đối với bị cáo Đ mà không được yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P ban hành Quyết định tạm giam.

Tuy nhiên, C10- Bộ Công an có văn bản phúc đáp với nội dung đồng ý với quan điểm của Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện P phải ban hành Quyết định tạm giam như đề nghị của Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ.

Ngày 17/2/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành văn bản số 37/TA-HS có nội dung: hiện nay đang vướng mắc trong việc trích xuất phạm nhân nên đề đảm bảo tiến độ giải quyết, xét xử vụ án hình sự trong thời gian chờ ý kiến chỉ Đ của liên ngành cấp trên thì các Tòa án nhân dân cấp huyện phải ban hành quyết định tạm giam để giam giữ các phạm nhân sau khi trích xuất phục vụ cho công tác xét xử.

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P đã ban hành quyết định tạm giam đối với bị

cáo Đ theo như chỉ Đ của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên việc ban hành quyết định tạm giam này chỉ để khắc phục vướng mắc trong việc trích xuất, không là căn cứ để khấu trừ thời gian tạm giam khi xét xử tội phạm mới đối với bị cáo Đ.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan nhưng họ đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không hoãn phiên tòa mà vẫn đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Rạng sáng ngày 23/4/2022, Nguyễn Văn L đã trộm cắp 02 cây mọc được trồng tại vườn nhà ông Khuất Văn Q, sinh năm 1933; trú tại: Khu 13, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (02 cây mọc này là của anh Khuất Đức B, sinh năm 1969; trú tại: Khu 12, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ- con trai ông Q), trị giá là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Sau khi trộm cắp xong, L gọi điện cho Ngô Quang Đ đến đón. Đ mặc dù biết rõ 02 cây mọc trên là do trộm cắp mà có nhưng vì muốn hưởng L tiền cước xe nên Đ vẫn đồng ý sử dụng xe ô tô do mình quản lý để chở 02 cây mọc và L đến nhà Khuất Ngọc T. T biết rõ 02 cây mọc trên là do L trộm cắp mà có nhưng vẫn gọi điện cho Bùi Thượng L1 để nhờ L1 mang 02 cây mọc đi tiêu thụ, đồng thời là trung gian để L và L1 thống nhất giá bán cây, được hưởng L từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp. L1 biết rõ 02 cây mọc trên là do L trộm cắp mà có nhưng vẫn đem đi bán để hưởng L.

Trước thời điểm phạm tội, L đã bị xét xử và bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý; L1 đã bị xét xử và bị áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; L1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo L và L1 là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo T và Đ là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo L xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ; hành vi phạm tội của các bị cáo còn lại xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý phạm tội nhằm mục đích vụ L cá nhân.

- Xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo L và L1 đều có nhân thân xấu, không có tiền sự, có tiền án nhưng là tình tiết định khung hình phạt nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo T có nhân thân xấu, đã từng bị các Tòa án xét xử 04 lần và 02 lần bị xử phạt hành chính, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Đ có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án, không có tiền sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương. Bị cáo L1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền mua bán cây mộc cho người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là anh S. Bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị hại có đề nghị xin giảm hình phạt cho bị cáo L .

Xét thấy các bị cáo L, L1, Đ đều là các đối tượng có tiền án, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc chấp hành hình phạt trong trại giam mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo T, tuy không có tiền án, tiền sự nhưng cũng đã từng bị xét xử rất nhiều lần (04 lần) về các tội khác nhau và 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội nên cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là phù hợp.

- Về đồng phạm và cá thể hóa hình phạt: Trong vụ án, chỉ có T và L1 là đồng phạm về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy cả hai đều là người thực hành nhưng vai trò của L1 là lớn hơn nên phải chịu hình phạt nặng hơn. T tuy biết tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn gọi điện để nhờ L1 mang 02 cây mộc đi tiêu thụ, đồng thời là trung gian để L và L1 thống nhất giá bán cây, được hưởng L từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp nên không được coi là đồng phạm có vai trò không đáng kể.

Tại phiên tòa, bị cáo T có đề nghị được hưởng hình phạt tù, cho hưởng án treo nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân rất xấu và cũng không phải là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án nên không chấp nhận yêu cầu xin được hưởng án treo của T là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu 1 phần hoặc toàn bộ tài sản nhưng xét thấy các bị cáo đều không có

nghề nghiệp, tài sản, thu nhập; hoặc có tài sản nhưng là nơi ở duy nhất của gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo là phù hợp.

Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Đ đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ lại phạm tội mới nên cần quyết định hình phạt đối với đối với lần phạm tội này, sau đó tổng hợp hình phạt nhưng có khấu trừ thời gian tạm giữ của bản án trước là phù hợp.

Bị cáo L mặc dù đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử nhưng bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là ông Q đã ủy quyền cho anh B nhận lại tài sản là 02 cây mộc và không có đề nghị gì về bồi thường thiệt hại nên không đặt ra việc xem xét.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng Bùi Thượng L1 đã tự nguyện trả lại cho người mua cây, anh S đã nhận đủ tiền và không có đề nghị gì nên không đặt ra việc xem xét.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng L1 trả cho L, L đã trả lại 2.000.000 đồng, số tiền còn lại L1 tự nguyện không yêu cầu L phải trả lại, cần ghi nhận sự tự nguyện trên.

Đối với số tiền L đưa cho T là 1.600.000đồng, trong đó có 1.000.000đồng L vay của T, 600.000đồng T được hưởng L từ việc môi giới bán cây. Số tiền hưởng L này nhẽ ra T phải trả cho L nhưng L tự nguyện không yêu cầu nên cần ghi nhận trong bản án.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 4.000.000đồng L1 nộp tại Cơ quan điều tra nhưng thực tế tài sản trộm cắp là 02 cây mộc đã thu hồi trả lại cho bị hại và L1 đã tự bồi thường toàn bộ số tiền bán cây cho anh S nên cần trả lại cho L1 số tiền này là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số seri 1: 354493097373491, số seri 2: 354495092373491 thu giữ của Khuất Ngọc T; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, mặt trước điện thoại ghi chữ VERTU, điện thoại có vỏ màu vàng đen, số IMEI1: 355180613431569, số IMEI2: 355180613473066 thu giữ của Bùi Thượng L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen tím than, số IMEI: 352377065328490 thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số seri: 354896089244563 thu giữ của Ngô Quang Đ: Toàn bộ các đồ vật này được các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 04 sim kèm theo điện thoại của bốn bị cáo số 0385605966, số 0852611611, số 0333501939, số 0965444942 là vật không có giá trị, không sử dụng được cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 30.000đ Đ hưởng L từ việc chạy xe taxi chở tài sản trộm cắp cho L cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 02 cây mộc bị trộm cắp đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Khuất Đức B, ông Q đồng ý, không có ý kiến gì xét thấy là phù hợp.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, màu sơn bạc, biển số 30A - 889.43 là tài sản của Công ty TNHH Thịnh Hưng giao cho Đ đi chở taxi, công ty không biết Đ sử dụng xe để chứa chấp tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại chiếc xe trên cho Công ty là phù hợp.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, màu sơn trắng, biển số: 19A - 148.63, do anh Lập cho L1 mượn làm phương tiện đi lại hàng ngày, anh Lập không biết việc L1 dùng xe ô tô của anh cho L1 mượn để trở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Văn Lập là phù hợp.

[3]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn L. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Bùi Thượng L1. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Khuất Ngọc T. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Ngô Quang Đ.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thượng L1 và Khuất Ngọc T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Tuyên bố bị cáo Ngô Quang Đ phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Xử phạt:

- Xử phạt Nguyễn Văn L 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt Bùi Thượng L1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Khuất Ngọc T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Ngô Quang Đ 07 (Bảy) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù của Bản án số 44/HS-ST ngày 30/9/2021 của TAND huyện P, bị cáo phải chấp hành 37 (Ba mươi bảy) tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/12/2020 đến 31/12/2020 của bản án số 44/HS-ST ngày 30/9/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án 07/10/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng với tất cả các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không đề nghị bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra việc xem xét.

Bị cáo Bùi Thượng L1 đã tự nguyện trả lại cho anh Vũ Tiến S số tiền 8.000.000 đồng, anh S không có đề nghị gì thêm nên không đặt ra việc xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Bùi Thượng L1 về việc không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn L về việc không yêu cầu bị cáo Khuất Ngọc T phải trả lại số tiền 600.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Ngô Quang Đ nộp lại 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số seri 1: 354493097373491, số seri 2: 354495092373491 thu giữ của Khuất Ngọc T; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, mặt trước điện thoại ghi chữ VERTU, điện thoại có vỏ màu vàng đen, số IMEI1: 355180613431569, số IMEI2: 355180613473066 thu giữ của Bùi Thượng L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen tím than, số IMEI: 352377065328490 thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số seri: 354896089244563 thu giữ của Ngô Quang Đ.

- Tịch thu, tiêu hủy 04 sim số 0385605966, số 0852611611, số 0333501939, số 0965444942 của bị cáo L, Đ, L1, T.

- Trả lại cho Bùi Thượng L1 số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Số tiền 4.000.000đ đang trong tài khoản đang tạm giữ số 3949.0.1053892.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ mở tại Kho bạc nhà nước huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Các vật chứng khác đang được tạm giữ trong kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Thượng L1, Khuất Ngọc T, Ngô Quang Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã P, huyện P;
- UBND thị trấn P1 Châu, huyện P;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hương